TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **07**/2020/HNGĐ- ST
Ngày : 27/5/2020
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B , TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài.**
2. Ông **Đỗ Đức Lâm.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B *tham gia phiên tòa*: Bà **Vũ Ngọc Anh**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 263/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/5/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Dương Thị H , sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 01, xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị đơn**: Ông Lê Văn H , sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 01, xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H , ông H có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H tìn hiểu yêu nhau được 02 tháng ký kết hôn tại UBND xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/9/2004. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông H ngoại tình, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà H xin được ly hôn với ông H

- Về con chung: Bà H trình bày quá trính chung sống bà và ông H có 03 con chung gồm Lê Ngọc Uyên Nhi, sinh ngày 07/12/2009; Lê Duy Khang, sinh ngày 06/02/2013; Lê Ngọc Tường Vy, sinh ngày 29/4/2015. Từ khi ly thân đến nay các con sống với bà H , phát triển khỏe mạnh. Ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H trình bày qúa trình chung sống bà và ông H không có tài sản chung nào.

- Về nợ chung: Bà H trình bày qúa trình chung sống bà và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2020 bị đơn trình bày: Ông H xác nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như bà H trình bày. Ông H đồng ý ly hôn và giao con chung gồm cháu Nhi, Khang cho bà H nuôi dưỡng; ông có nguyện vọng nhận nuôi cháu Vy; ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà H và ông H được ly hôn, giao 03 con chung cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng**:** Bà H , ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân*:* Bà H và ông H chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/9/2004, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông H là hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông H ngoại tình và không chăm lo cho gia đình. Bà H yêu cầu ly hôn và được ông H đồng ý. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nên cần căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà H và ông H được ly hôn với nhau.

[3] Về con chung*:* Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy ông H đã có quan hệ bất chính bên ngoài là vi phạm về đạo đức và xâm phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng; trong thời gian ly thân các con đều do bà H nuôi dưỡng, các cháu phát triển khỏe mạnh bình thường. Mặt khác, cháu Vy là con gái, còn nhỏ rất cần sự chăm sóc trực tiếp của bà H . Để đảm bảo sự nuôi dạy, phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường học tập, sinh hoạt của các cháu nên căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cả 03 con cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con 18 tuổi; bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H về việc "Ly hôn" đối với bị đơn ông Lê Văn H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Dương Thị H và ông Lê Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Ngọc Uyên Nhi, sinh ngày 07/12/2009; Lê Duy Khang, sinh ngày 06/02/2013; Lê Ngọc Tường Vy, sinh ngày 29/4/2015cho bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

"Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

3. Về án phí: Buộc bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2016/0019473 ngày 09/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B , tỉnh Lâm Đồng. Bà H đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Bà H , ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B ;
- Chi cục THADS huyện B ;
- UBND xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Lâm **Nguyễn Thị Tài** **Nguyễn Văn Linh**